TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – HUẾ** **THÀNH PHỐ HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **302**/2026/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Huế, ngày 12 tháng 8 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – HUẾ, THÀNH PHỐ HUẾ

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/NQ/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 277/2026/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2026 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Phạm Hữu T, sinh năm 1999. CC số: 046099002764, cấp ngày 26/02/2025, nơi cấp: Bộ C. Nơi thường trú: Thôn X, xã Đ, thành phố H.

- Chị Trần Thị Mỹ H, sinh năm 1996. CC số: 046196014110, cấp ngày 12/4/2025, nơi cấp: Bộ C. Nơi thường trú: Thôn L - T (nay là thôn K), xã A, thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Hữu T và chị Trần Thị Mỹ H tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 04/5/2026 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố H nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm; nguyên nhân do tính tình không hợp. Hiện nay, anh Phạm Hữu T và chị Trần Thị Mỹ H đều có cuộc sống riêng, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau.

Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên anh T và chị H yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và trái đạo đức xã hội.

[2] Về con chung: Anh Phạm Hữu T và chị Trần Thị Mỹ H xác nhận không có con chung.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Phạm Hữu T và chị Trần Thị Mỹ H đều thống nhất vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Hữu T và chị Trần Thị Mỹ H thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Phạm Hữu T và chị Trần Thị Mỹ H đều thống nhất vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng. Chị Trần Thị Mỹ H chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0000343 ngày 28/7/2026 của Thi hành án dân sự thành phố H; chị H đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- TAND thành phố Huế;
- VKSND khu vực 3 – Huế;
- THADS thành phố Huế;
- Tư pháp hộ tịch UBND xã Đan Điền;
(ĐKKH 70/2026 ngày 04/5/2026);
- Lưu án văn;

- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Huyền